

Số: 45/ĐTNĐ-KT

V/v ra soát báo cáo công tác đảm
bảo ATGT đường thủy nội địa.

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 1397/SGTVT-QLVT ngày 25/3/2022 của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc rà soát, báo cáo công tác đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa. Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa báo cáo công tác quản lý luồng, tuyến; công tác bảo trì đường thủy nội địa như sau:

I. Công tác quản lý luồng tuyến

1. Khái quát chung:

Hệ thống sông, kênh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là tự nhiên được phân bố đều trên địa bàn tỉnh, gồm 4 hệ thống sông chính là hệ thống sông Mã, sông Yên, sông Hoạt và sông Bạng; 6 cửa sông chính đổ ra Biển Đông gồm Lạch Càn, Lạch Sung, Lạch Trường, Lạch Hới, Lạch Ghép và Lạch Bạng.

Hiện tại, đã công bố và đưa vào khai thác, quản lý và bảo trì 23 tuyến đường thủy nội địa với chiều dài 761km, trong đó có 8 tuyến ĐTNĐ quốc gia với chiều dài 213km và 15 tuyến ĐTNĐ địa phương với chiều dài 548km; trong đó Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa được giao quản lý, bảo trì 22 tuyến với 736 Km, bao gồm: 08 tuyến ĐTNĐ quốc gia với 213 Km và 14 tuyến ĐTNĐ địa phương với 523 Km.

2. Điểm đầu - Điểm cuối, chiều dài, chiều rộng, cấp kỹ thuật, loại, độ sâu luồng tuyến: *(Có phụ lục 01 kèm theo)*

3. Phao tiêu, báo hiệu trên các tuyến luồng:

3.1. Trên các tuyến ĐTNĐ quốc gia: Tổng số 823 báo hiệu; trong đó: báo hiệu trên bờ 568 BH (670 cột BH), báo hiệu trên cầu: 152 BH, báo hiệu dưới nước: 103 phao, đèn hiệu: 330 đèn NLMT.

(Có phụ lục 02 kèm theo)

3.2. Trên các tuyến ĐTNĐ địa phương: Tổng số 739 báo hiệu; trong đó: báo hiệu trên bờ 446 BH (508 cột BH), báo hiệu trên cầu: 192 BH, báo hiệu dưới nước: 101 phao, đèn hiệu: 103 đèn NLMT.

(Có phụ lục 03 kèm theo)

II. Công tác bảo trì ĐTNĐ

Đối với tuyến ĐTNĐ quốc gia: Nhìn chung các tuyến luồng chạy tàu tương đối ổn định, khai thác vận tải tốt, phục vụ hữu ích cho giao thông vận tải ĐTNĐ trong và ngoài tỉnh.

Đối với tuyến ĐTNĐ địa phương: Hầu hết các tuyến luồng chạy tàu chủ yếu đang khai thác tự nhiên, chưa được nâng cấp cải tạo, còn nhiều chướng ngại vật, bán kính chạy tàu nhỏ.

Đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra luồng tuyến, kiểm tra hệ thống báo hiệu; rà soát, phát hiện kịp thời các phao tiêu báo hiệu bị hư hỏng trên tuyến để sửa chữa, phát quang, điều chỉnh, phù hợp với diễn biến của luồng tuyến; màu sắc báo hiệu rõ ràng, đúng qui chuẩn, hệ thống báo hiệu được bảo dưỡng định kỳ theo qui định.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về trật tự ATGT đường thủy nội địa tới các các chủ phương tiện, bến phà, bến đò, cầu phao, bến thủy nội địa, nhà thầu thi công công trình, đăng đáy cá ... được duy trì thường xuyên, liên tục; công tác phối hợp với các địa phương (xã) có các tuyến sông đi qua trong công tác tuyên truyền, công tác quản lý, bảo trì ĐTNĐ và ký cam kết về thực hiện nghiêm Luật Giao thông ĐTNĐ và các qui định về trật tự an toàn giao thông ĐTNĐ được tăng cường đặc biệt là trong các dịp lễ, tết và trong mùa bão, lũ.

III. Những khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý, bảo trì ĐTNĐ.

Hiện nay, các tuyến đường thủy nội địa còn nhiều đoạn tuyến chưa liên tục; hạ tầng giao thông đường thủy nội địa chưa tương xứng với sự gia tăng nhanh của phương tiện giao thông đường thủy nội địa; các luồng chạy tàu chủ yếu đang khai thác là tự nhiên, chưa được cải tạo, còn nhiều đoạn luồng cạn, bồi lấp không được nạo vét gây khó khăn cho các phương tiện khi tham gia giao thông đường thủy nội địa.

Kinh phí bảo trì các tuyến ĐTNĐ quốc gia chưa phù hợp với nhu cầu quản lý bảo trì nhất là năm 2022 kinh phí lại giảm.

Công tác đầu tư nâng cấp các tuyến ĐTNĐ theo quy hoạch chưa đáp ứng được nhu cầu vận tải ngày càng phát triển.

Tình trạng cấm đăng đáy cá và nuôi trồng thủy sản lấn chiếm luồng chạy tàu thuyền và hành lang bảo vệ luồng chạy tàu làm ảnh hưởng đến hoạt động vận tải đường thủy nội địa và có nhiều tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông đường thủy nội địa vì đa số người dân hành nghề sông nước có đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, đây là nghề mưu sinh chính và lâu đời của người dân, trình độ dân trí thấp vì vậy việc hiểu biết chấp hành các qui định của pháp luật về trật tự ATGT đường thủy nội địa còn nhiều hạn chế.

Công tác phối hợp quản lý của các ngành có chức năng liên quan đến ĐTNĐ còn chưa được tốt.

Đa số các tuyến sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là sông rộng, luồng không sát bờ, việc bố trí lắp đặt báo hiệu ĐTNĐ đều nằm trên bờ và ngoài phạm vi hành lang bảo vệ luồng, do vậy khi lắp đặt báo hiệu thay thế, bổ sung, dịch chuyển báo hiệu còn gặp nhiều bất cập vì đất để lắp đặt báo hiệu có liên quan đến hành lang an toàn của đê điều, của người dân và địa phương quản lý.

Các tuyến cửa sông, cửa Lạch luồng tàu thường xuyên bị bồi lắng bởi phù sa, hội tụ bùn đất từ thượng lưu về và ảnh hưởng của bão, lũ... vì thế luồng tàu chạy nhiều chỗ bị khan cạn không đảm bảo cấp kỹ thuật theo qui định, tàu thuyền ra vào thường xuyên bị mắc cạn đặc biệt là khi mực nước xuống kiệt, sóng to, gió lớn.

IV. Đề xuất, kiến nghị:

1. Đối với các tuyến ĐTNĐ quốc gia:

1.1. Để ổn định và thuận lợi cho công tác quản lý, bảo trì thường xuyên các tuyến ĐTND đề nghị có phương án đấu thầu quản lý, bảo trì các tuyến ĐTND quốc gia thời gian tối thiểu 36 tháng.

1.2. Đề nghị xem xét bổ sung kinh phí quản lý bảo trì năm 2022, giá thầu quá thấp cùng với tác động thị trường nên giá vật tư, nhiên liệu tăng cao nên thực hiện công tác QLBT gặp khó khăn.

1.3. Đề nghị nạo vét đảm bảo giao thông các đoạn cận cửa sông như cửa Lạch Bạng; cửa Lạch Trường; cửa Lạch Sung và tiếp tục nạo vét đoạn cận Km 44+00-Km46+500, sông Lèn.

1.4. Sửa chữa nâng cấp hệ thống nhà trạm quản lý ĐTNĐ Kiểu

1.5. Cho thay thế báo hiệu trên các tuyến đã xuống cấp, hết niên hạn sử dụng và cho bổ sung móng cột báo hiệu (cây số đường thủy nội địa) tại các vị trí đã lắp đặt năm 2021 mà chưa có móng bê tông.

1.6. Để đảm bảo ATGT đường thủy tại các khu vực tiềm ẩn mất an toàn giao thông đề nghị cho duy trì thường xuyên công tác thường trực chống va trôi mùa lũ bão tại 2 vị trí cụm cầu Hàm Rồng và cụm cầu Đò Lèn.

1.7. Đề nghị sớm triển khai lắp đặt phao neo cho tàu thuyền neo đậu ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (khu vực cầu Hàm Rồng, sông Mã)

1.8. Để giảm thiểu thiệt hại tài sản ĐTNĐ, nhất là khi xảy ra bão lũ đề nghị bố trí kinh phí để thực hiện các thao tác trực phao vào vị trí an toàn, thả phao lại sau khi hết bão lũ và dựng, chỉnh báo hiệu bị đổ, nghiêng bởi ảnh hưởng của bão, lũ gây ra.

2. Đối với các tuyến ĐTND địa phương:

2.1. Đề nghị xây dựng phương án nâng cấp tuyến đường thủy nội địa địa phương sông Yên thành tuyến đường thủy nội địa quốc gia.

2.2. Đề nghị cho bổ sung báo hiệu cây số ĐTNĐ các tuyến sông Chuối, sông Mã; bổ sung phao báo hiệu trên tuyến sông Càn, sông Chu; bổ sung cột đèn thép báo hiệu ngã ba tuyến sông Yên

Trên đây là báo cáo của Công ty CP Quản lý ĐTND và XDGT Thanh Hóa về tình hình thực hiện công tác quản lý, bảo trì ĐTND trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Như K/g (báo cáo);
- Ban QLBT CTGT và ĐHHĐVTHKCC (báo cáo);
- Lưu VP,KT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Bảy

PHỤ LỤC 01: HIỆN TRẠNG LUỒNG TUYẾN

(Kèm theo Văn bản số 63/45-ĐTND-KT ngày 05/14/2022 của Công ty CP Quản lý ĐTND và XDGT Thanh Hóa)

TT	TÊN SÔNG, KÊNH	LÝ TRÌNH ĐO PHÂN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG	ĐIỂM ĐẦU - ĐIỂM CUỐI	CHIỀU DÀI (KM)	CẤP KT ĐTND	LOẠI QUẢN LÝ ĐTND	RỘNG (M)	SÂU (M)
I CÁC TUYẾN ĐTND QUỐC GIA								
1	Sông Mã (36Km)	Km 17+00 - Km 34+00	Cách cầu Hoàng Long 200m về phía HL - Ngã ba Bông	17	III	2	40÷50	2.8÷3.2
2	Sông Lèn	Km 34+00 - Km 53+00	Ngã ba Bông - Ngã ba Vinh Ninh	19	IV	2	30÷40	2.3÷2.8
3	Sông Bưởi	Km 0+00 - Km 51+00	Phao số 0 (cửa Lạch Sung) - Ngã ba Bông	51	IV	2	30÷40	2.3÷2.8
4	Sông Tào	Km 0+00 - Km 25+500	Ngã ba Vinh Ninh - Kim Tân	25,5	IV	2	30÷40	2.3÷2.8
5	Kênh Nga	Km 0+00 - Km 32+00	Phao số 0 (Cửa Lạch Trường) - Ngã ba Tào Xuyên	32	IV	2	30÷40	2.3÷2.8
6	Kênh De	Km 0+00 - Km 27+00	Điện Hộ - Ngã ba Chế Thôn	27	IV	2	25÷30	2.5÷3.0
7	Kênh Chován	Km 0+00 - Km 6+500	Ngã ba Trường Xá - Ngã ba Yên Lương	6,5	IV	2	25÷30	2.5÷3.0
8	Lạch Bạng - Đảo Hòn Mê	Km 0+00 - Km 15+00	Ngã ba Hoàng Phụ - Ngã ba Hoàng Hà	15	IV	2	25÷30	2.5÷3.0
9		Km 0+00 - Km 20+00	Cảng Lạch Bạng - Đảo Quân sự Hòn Mê	20	I	2	>90	>4
II CÁC TUYẾN ĐTND ĐỊA PHƯƠNG								
1	Sông Mã	Km 53+00 - Km 175+00	Ngã ba Vinh Ninh - Cầu Na Sải	122	V	3	20÷30	1.8÷2.3
2	Lòng hồ TĐ Trung Sơn	Km 227+00 - Km 273+500	Đập TĐ Trung Sơn - Biên giới Việt - Lào	46,5	V	3	20÷30	1.8÷2.3
3	Sông Chu (57Km)	Km 0+00 - Km 11+00	Ngã ba Đầu - Vạn Hà	11	III	2	40÷50	2.8÷3.2
4	Sông Cầu	Km 11+00 - Km 57+00	Vạn Hà - Đập Bái Thượng	46	IV	2	30÷40	2.3÷2.8
5	Sông Nhồi	Km 0+00 - Km 15+500	Ngã ba Châu Trường - Cầu Si	15,5	V	3	20÷30	1.8÷2.3
6	Sông Lục	Km 0+00 - Km 25+00	Ngã ba Bến Ngự - Cầu Vay	25	VI	3	12÷20	1.0÷1.8
7	Sông Cầu	Km 0+00 - Km 7+00	Ngã ba Nấp - Âu Đông Tân	7	VI	3	12÷20	1.0÷1.8
8	Sông Chuối	Km 0+00 - Km 29+00	Ngã ba Vua Bà - Chợ Nưa	29	VI	3	12÷20	1.0÷1.8
9	Sông Yên	Km 0+00 - Km 29+00	Ngã ba Cây Sơ - Vạn Hòa	29	V	3	20÷30	1.8÷2.3
10	Sông Càn	Km 0+00 - Km 12+00	Phao số 0 (Cửa Lạch Ghép) - Cầu Ghép	12	II	2	50÷90	3.2÷4.0
11	Hồ Cửa Đạt	Km 12+00 - Km 62+00	Cầu Ghép - Cầu Vay	50	IV	3	30÷40	2.3÷2.8
12	Hồ Bến En	Km 0+00 - Km 9+00	Phao số 0 - Cửa Lạch Càn	9	II	3	50÷90	3.2÷4.0
13	Sông Hoàng	Km 9+00 - Km 18+00	Cửa Lạch Càn - cầu Điện Hộ	9	VI	3	12÷20	1.0÷1.8
14	Lạch Hới - Đảo Nê	Lòng hồ Cửa Đạt		43	I	3	>90	>4
		Lòng hồ Bến En		36	I	3	>90	>4
		Km 0+00 - Km 16+00	Ngã ba Ngọc Trà - Ngã ba Sông Hoàng	16	VI	3	12÷20	1.0÷1.8
		Km 0+00 - Km 17+00	Cửa Hới - Đảo Nê	17	IV	3	30÷40	2.3÷2.8
Tổng cộng:				736				

PHỤ LỤC 02: BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BẢO HIỆU TRÊN CÁC TUYẾN ĐTND QUỐC GIA NĂM 2022
(Kèm theo Văn bản số 45/ĐTND-KT ngày 05/4/2022 của Công ty CP Quản lý ĐTND và XDGT Thanh Hóa)

TT	LOẠI BÁO HIỆU	Kênh Nga Sơn	Sông Lèn	Kênh De	Sông Tào	Kênh Choán	Sông Mã	Sông Bưởi	L. Bạng - Đảo Mè	Tổng Cộng	Ghi chú
I	Báo hiệu trên bờ	47	193	20	77	5	175	49	2	568	
1	Dàn thép báo hiệu 12m	1	2	1		2	4	1	2	13	
2	BH. Phân luồng ngã 3	1			1					2	
3	BH. Thông báo ngã 3	1		1	2	1				5	
4	BH. VCN trái	3	31	6	4		23	14		81	
5	BH. VCN Phải	4	38	5	16		14	10		87	
6	BH. Hạn chế chiều cao	10	2	2	6		4	6		30	
7	BH. Hạn chế chiều rộng	10	7	4	6	2	4	6		39	
8	BH. Hạn chế chiều sâu		4				2			6	
9	BH. Chú ý nguy hiểm	9	1		4		5	7		26	
10	BH. Luồng gần bờ phải		13		2		11			26	
11	BH. Luồng gần bờ trái		9		5		13	2		29	
12	BH. Chuyển luồng phải		16		10		11	1		38	
13	BH. Chuyển luồng trái		14		11		13	1		39	
14	BH. Cấm luồng	4	2							6	
15	BH. Cấm đỗ	1	4	1			1			7	
16	BH. Cấm neo						1			1	
17	BH. Cấm vượt				2					2	
18	BH. Thông báo trạm QLĐTND	1	1							2	
19	BH. Được phép neo đậu	2	4		1		18			25	
20	BH. Địa danh		2		4		1	1		8	
21	BH.chấp hành luật ĐTND				1					1	
22	BH. danh lam thắng cảnh						5			5	
23	BH. địa danh ngã sông						4			4	
24	BH. chỉ dẫn ngã ba sông						4			4	
25	BH.cây số ĐTND		43				37			80	
26	BH.đường dây điện				2					2	

II	Báo hiệu trên cầu	30	30	10	30	10	30	12	0	152	
1	BH. Khoang thông thuyền	6	6	2	6	2	6	4		32	
2	BH. C-1.1.3 & C-1.1.4	24	24	8	24	8	24	8		120	
III.	Báo hiệu dưới nước	0	32	0	38	0	18	1	14	103	
1	Phao GHL f 1.0m		4		10					14	
2	Phao GHL f 1.2m		25		28		17	1	11	82	
3	Phao GHL f 1.4m		3						1	4	
4	Phao GHL f 2.0m								2	2	
5	Phao neo f 3,5m						1			1	
IV	Cột báo hiệu	47	238	20	82	5	226	50	2	670	
1	Cột dãn thép 12m	1	2	1		2	4	1	2	13	
2	Cột BTCT 6.5m	1	0	0	0	0	0	3		4	
3	Cột sắt f 150, L = 7.5m	34	110		77	3	33			257	
4	Cột sắt f 160, L = 6.5m	11	38	3	0		35	12		99	
5	Cột sắt f 160, L = 7.5m		8	16	5		67	34		130	
6	Cột sắt f 160, L = 8.5m						87			87	
7	Cột sắt f 168, L = 6.5m		80							80	
V	Đèn báo hiệu	0	164	1	61	1	87	0	16	330	
1	Đèn NLMT		164	1	61	1	87	0	16	330	
	Tổng số:	77	255	30	145	15	223	62	16	823	

PHỤ LỤC 03: BẢNG TỔNG HỢP BÁO HIỆU TUYẾN ĐTNĐ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Văn bản số 45/ĐTNĐ-KT ngày 05/4/2022 của Công ty CP Quản lý ĐTNĐ và XDGT Thanh Hóa)

TÊN BÁO HIỆU	S. Mã	S. Cầu Chảy	S. Yên	S. Hoàng	S. Chuối	S. Cầu Quan	S. Càn	S. Nhồi	S. Lục Giang	Hồ Cửa Đạt	Hồ Bến En	Lạch Hới	Trung Sơn	Tổng
Báo hiệu trên bờ	135	17	108	36	23	42	2	4	8	4	0	1	66	446
Dàn thép ngà ba		1	2									1	1	1
BH. Thông báo ngã 3												1	6	9
BH. phân luồng ngà ba				3									3	3
BH. VCN trái	27	4	25	1	10								8	75
BH. VCN Phải	44	4	17	3	1	1								70
BH. Hạn chế chiều cao	9	4	10	5	8	10	2	2	2				6	60
BH. Hạn chế chiều rộng	10	4	10	4	8	8		2	2				4	55
BH. Chú ý nguy hiểm	7			4	8								6	25
BH. Luồng gần bờ phải	3		3											6
BH. Luồng gần bờ trái	2		1											3
BH. Chuyển luồng phải	3													3
BH. Chuyển luồng trái	4													4
BH. Cấm đỗ	5		4	1	4			1					8	23
BH. Thông báo Tram	3		1		1			1					1	7
BH. Tuyên truyền ATGT	2		2	1										5
BH. Được phép đậu đỗ	8													8
BH. Danh lam thắng cảnh	4													4
BH. Áu tàu								1						1
BH. Địa danh													2	2
BH. Cây số ĐTNĐ	4		33	18	2								25	82
Báo hiệu trên cầu	30	10	50	12	30	10	10	10	0	0	0	0	20	192
BH. Khoang thông thuyền	6	2	10	4	6	2	2	2					4	40
BH. C-1.1.3 & C-1.1.4	24	8	40	8	24	8	8	8					16	152
Báo hiệu dưới nước	12	0	4	19	0	0	0	0	0	24	19	12	0	101
Phao GHL f1000	12		4											16
Phao GHL f1200				19										24
Phao GHL f 1400				0				5						18
Phao tim luồng f 1400								6				12		39
Phao hai luồng f 1400										21	18			4
Cột báo hiệu	141	17	143	55	23	42	2	4	8	0	0	1	68	508
Dàn thép ngà ba 12m												1	1	1
Cột BTCT 6,5m	0		0	0										0
Cột sắt f160, L=6,5m	14	17	15	8	21	3		4						82
Cột sắt f140, L=7,5m			66	36										102
Cột sắt f140, L=6,5m	11													11
Cột sắt f120, L=6,5m	116		62	11	2	39	2	8	4				68	312
Đèn hiệu	12	0	4	19	0	0	0	11	0	24	20	13	0	103
Đèn NLMT	12		4	19				11		24	20	13	0	103
TỔNG CỘNG	177	27	162	67	53	52	12	25	18	4	19	13	86	739